

Phụ lục 1.A - Trích quy chế quản lý đầu tư và xây dựng

(Ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ)

1.A.1. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN LIÊN QUAN TỚI VIỆC LẬP DỰ ÁN VÀ THIẾT KẾ

Điều 4: Trình tự đầu tư và xây dựng

1. Trình tự đầu tư và xây dựng bao gồm 3 giai đoạn :

- a) Chuẩn bị đầu tư
- b) Thực hiện đầu tư
- c) Xây dựng và khai thác

Điều 5: Giải thích từ ngữ

1. "Dự án đầu tư" là một tập hợp những đề xuất có liên quan đến việc bỏ vốn để tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những cơ sở vật chất nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng hoặc duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ trong khoảng thời gian xác định (chỉ bao gồm hoạt động đầu tư trực tiếp).
2. "Công trình xây dựng" là sản phẩm của công nghệ xây lắp gắn liền với mặt đất được tạo thành bằng vật liệu xây dựng, thiết bị và lao động.
3. Công trình xây dựng bao gồm một hạng mục hoặc nhiều hạng mục công trình nằm trong dây chuyền công nghệ đồng bộ, hoàn chỉnh (có tính đến việc hợp tác sản xuất để sản xuất ra sản phẩm nêu trong dự án).
4. "Chủ đầu tư" là người chủ sở hữu vốn, người vay vốn hoặc người được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý và sử dụng vốn để thực hiện đầu tư theo quy định của pháp luật.
5. "Tổng mức đầu tư" là toàn bộ chi phí đầu tư và xây dựng (kể cả vốn sản xuất ban đầu) và là giới hạn chi phí tối đa của dự án được xác định trong quyết định đầu tư và chỉ được điều chỉnh theo quy định tại điều 25 của quy chế này.
6. "Tổng dự toán" là tổng chi phí cần thiết cho việc đầu tư xây dựng (chi phí chuẩn bị đầu tư, chi phí thực hiện đầu tư kể cả mua sắm thiết bị, các chi phí khác của dự án) được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật xây dựng, không vượt tổng mức đầu tư đã duyệt.
7. "Vốn đầu tư được quyết toán" là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác sử dụng. Chi phí hợp pháp là chi phí theo đúng hợp đồng đã ký kết và thiết kế dự án được phê duyệt, bảo đảm đúng quy chuẩn, định mức, đơn giá, chế độ tài chính - kế toán và những quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan. Vốn đầu tư được quyết toán trong giới hạn tổng mức đầu tư đã duyệt hoặc đã được điều chỉnh (nếu có).
8. "Tiêu chuẩn xây dựng" là tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định để thực hiện các công việc khảo sát, thiết kế, xây lắp, nghiệm thu, đảm bảo chất lượng công trình áp dụng cho từng loại chuyên ngành xây dựng do Nhà nước hoặc do Bộ có chức năng xây dựng chuyên ngành ban hành.
9. "Quy chuẩn xây dựng" là văn bản quy định các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu bắt buộc phải tuân thủ đối với mọi hoạt động xây dựng và các giải pháp, các tiêu chuẩn xây dựng được sử dụng để đạt được các yêu cầu đó do Bộ xây dựng thống nhất ban hành.

Điều 21 : Nội dung công việc chuẩn bị đầu tư

Nội dung công việc chuẩn bị đầu tư bao gồm :

1. Nghiên cứu sự cần thiết phải đầu tư và quy mô đầu tư.
2. Tiến hành tiếp xúc, thăm dò thị trường trong nước và ngoài nước để xác định nhu cầu tiêu thụ, khả năng cạnh tranh của sản phẩm, tìm nguồn cung ứng thiết bị, vật tư cho sản xuất, xem xét khả năng về nguồn vốn đầu tư và lựa chọn hình thức đầu tư.
3. Tiến hành điều tra, khảo sát và chọn địa điểm xây dựng
4. Lập dự án đầu tư
5. Gửi hồ sơ dự án và văn bản trình đến người có thẩm quyền quyết định đầu tư, tổ chức cho vay vốn đầu tư và cơ quan thẩm định dự án đầu tư.

Điều 22: Lập dự án đầu tư

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập hoặc thuê các tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư.
2. Đối với các dự án nhóm A chủ đầu tư phải tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi. Trường hợp dự án đã được Quốc hội hoặc Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư thì chỉ cần lập báo cáo nghiên cứu khả thi.
3. Những dự án nhóm A đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và cho phép phân ra các dự án thành phần (hoặc tiểu dự án) thì những dự án thành phần (hoặc tiểu dự án) được lập báo cáo nghiên cứu khả thi như mọi dự án đầu tư độc lập, việc trình duyệt và quản lý dự án phải theo quy định của dự án nhóm A.
4. Đối với dự án nhóm B, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi, nếu cần thiết phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét quyết định và có yêu cầu bằng văn bản.
5. Đối với các dự án nhóm C có mức đầu tư từ 1 tỷ đồng trở lên, chủ đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

Các dự án có mức vốn đầu tư dưới 1 tỷ đồng, chẳng hạn các dự án sửa chữa, bảo trì sử dụng vốn sự nghiệp và các dự án của các ngành đã có thiết kế mẫu và tiêu chuẩn kỹ thuật được Bộ quản lý ngành phê duyệt trên cơ sở quy hoạch tổng thể đối với từng vùng thì không phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi riêng cho từng dự án mà chỉ lập báo cáo đầu tư. Nội dung báo cáo đầu tư do Bộ kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cụ thể.

Báo cáo nghiên cứu khả thi là tài liệu cơ sở, chủ đầu tư đã nghiên cứu, so sánh và lựa chọn phương án đầu tư để gửi cơ quan thẩm định đầu tư và trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét và quyết định.

Điều 23 : Nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

1. Nghiên cứu về sự cần thiết phải đầu tư, các điều kiện thuận lợi và khó khăn.
2. Dự kiến quy mô đầu tư, hình thức đầu tư.

Chọn khu vực địa điểm xây dựng và dự kiến nhu cầu diện tích sử dụng đất trên cơ sở giảm tới mức tối đa việc sử dụng đất và những ảnh hưởng về môi trường, xã hội và tái định cư (có phân tích đánh giá cụ thể).

3. Phân tích lựa chọn sơ bộ về công nghệ, kỹ thuật (bao gồm cả cây trồng, vật nuôi nếu có) và các điều kiện cung cấp vật tư thiết bị, nguyên liệu, năng lượng, dịch vụ, hạ tầng cơ sở.
4. Phân tích lựa chọn sơ bộ các phương án xây dựng.
5. Xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động các nguồn vốn, khả năng hoàn vốn và trả nợ, thu lãi.
6. Tính toán sơ bộ hiệu quả đầu tư về mặt kinh tế - xã hội của dự án.
7. Xác định tính khả thi của việc vận hành, khai thác của các dự án thành phần hoặc tiểu dự án (nếu có).

Đối với các dự án mua sắm thiết bị, máy móc không cần lắp đặt, nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi chỉ thực hiện theo các khoản 1, 2, 4, 6, 7 và 8 của điều này (Điều 23).

Điều 24: Nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Những căn cứ để xác định sự cần thiết phải đầu tư.
2. Lựa chọn hình thức đầu tư.
3. Chương trình sản xuất các yếu tố phải đáp ứng (đối với các dự án có sản xuất).
4. Các phương án địa điểm cụ thể (hoặc vùng địa điểm, tuyến công trình) phù hợp với quy hoạch xây dựng (bao gồm cả tài liệu về sự lựa chọn địa điểm, trong đó có đề xuất giải pháp hạn chế tới mức tối thiểu ảnh hưởng đối với môi trường và xã hội).
5. Phương án giải phóng mặt bằng, kế hoạch tái định cư (nếu có).
6. Phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ (bao gồm cả cây trồng, vật nuôi nếu có).
7. Các phương án kiến trúc, giải pháp xây dựng, thiết kế sơ bộ của các phương án đề nghị lựa chọn, giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường.
8. Xác định rõ nguồn vốn (hoặc loại nguồn vốn) khả năng tài chính, tổng mức đầu tư và nhu cầu vốn theo tiến độ. Phương án hoàn trả vốn đầu tư (đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn đầu tư).
9. Phương án quản lý khai thác dự án và sử dụng lao động.
10. Phân tích hiệu quả đầu tư.
11. Các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư. Dự án nhóm C phải lập ngay kế hoạch đầu thầu. Dự án nhóm A, B có thể lập kế hoạch đầu thầu sau khi có quyết định đầu tư (tùy điều kiện cụ thể của dự án). Thời gian khởi công (chậm nhất), thời hạn hoàn thành đưa công trình vào khai thác sử dụng (chậm nhất).
12. Kiến nghị hình thức quản lý thực hiện dự án.
13. Xác định chủ đầu tư.

14. Mối quan hệ và trách nhiệm của các cơ quan liên quan đến dự án.

Đối với các dự án mua sắm thiết bị, máy móc không cần lắp đặt, nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi chỉ thực hiện theo các khoản 1, 2, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của điều này (Điều 24).

Điều 25: Tổng mức đầu tư

1. Tổng mức đầu tư bao gồm những chi phí cho việc chuẩn bị đầu tư, chi phí chuẩn bị thực hiện đầu tư, chi phí thực hiện đầu tư và xây dựng, chi phí chuẩn bị sản xuất, lãi vay ngân hàng của chủ đầu tư trong thời gian thực hiện đầu tư, vốn lưu động ban đầu cho sản xuất (đối với dự án sản xuất), chi phí bảo hiểm, chi phí dự phòng.

Đối với các dự án nhóm A và một số dự án có yêu cầu đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ cho phép, tổng mức đầu tư còn bao gồm các chi phí nghiên cứu khoa học, công nghệ có liên quan đến dự án.

2. Tổng mức đầu tư chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp :

- a) Nhà nước ban hành những quy định mới có quy định thay đổi mặt bằng giá đầu tư và xây dựng.
- b) Do thay đổi tỷ giá giữa đồng tiền Việt Nam và đồng ngoại tệ đối với phần phải sử dụng ngoại tệ của các dự án (nếu trong tổng mức đầu tư chưa ghi rõ phần ngoại tệ phải sử dụng).
- c) Do các trường hợp bất khả kháng.

3. Đối với các dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội thông qua và quyết định chủ trương đầu tư, tổng mức đầu tư được xác định chính thức sau khi có báo cáo nghiên cứu khả thi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt và quyết định đầu tư.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nội dung chi tiết tổng mức đầu tư.

Điều 36: Thiết kế xây dựng công trình

1. Tài liệu hợp pháp dùng để thiết kế

Các tài liệu về thăm dò, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, khí tượng và các tài liệu khác khi dùng để thiết kế xây dựng các công trình phải do tổ chức có tư cách pháp lý về các lĩnh vực nêu trên cung cấp. Việc thiết kế xây dựng phải tuân theo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng do Nhà nước ban hành. Nếu áp dụng quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng của nước ngoài thì phải được Bộ xây dựng chấp thuận bằng văn bản.

2. Trình tự thiết kế

- a) Trong báo cáo nghiên cứu khả thi thì phải thực hiện bước thiết kế sơ bộ trên cơ sở phương án công nghệ tạm thời lựa chọn, quy mô và kiến trúc công trình.
- b) Sau khi dự án có quyết định đầu tư và xác định được nguồn cung cấp thiết bị, cung cấp thiết kế công nghệ, việc thiết kế xây dựng công trình thực hiện theo các quy định sau đây:
 - Đối với công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, địa chất phức tạp thì phải thực hiện thiết kế kỹ thuật (thiết kế triển khai) trước khi thiết kế Bản vẽ thi công (thiết kế chi tiết).
 - Đối với công trình kỹ thuật đơn giản hoặc đã có thiết kế mẫu, xử lý nền móng không phức tạp thì chỉ thực hiện bước thiết kế kỹ thuật - thi công.

Thực hiện thiết kế kỹ thuật phải căn cứ vào mục tiêu đầu tư và các nội dung yêu cầu trong quyết định đầu tư, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng.

- c) Trong trường hợp đặc biệt, nếu phải thay đổi các nội dung quy định tại điểm a, b khoản 2 này thì phải trình lại báo cáo nghiên cứu khả thi và được sự chấp thuận của người có thẩm quyền quyết định đầu tư.
- d) Tổ chức thiết kế phải lập tổng dự toán của thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật - thi công. Tổng dự toán không được lớn hơn tổng mức đầu tư đã duyệt; nếu lớn hơn thì tổ chức thiết kế phải thiết kế tính toán lại cho phù hợp.

Bộ xây dựng quy định nội dung hồ sơ thiết kế.

3. Tổ chức thiết kế

- a) Công tác thiết kế phải do tổ chức, cá nhân có chuyên môn thực hiện. Tuỳ điều kiện cụ thể của dự án, chủ đầu tư có thể ký kết hợp đồng với các tổ chức tư vấn thiết kế hoặc nhà thầu xây dựng thực hiện các bước thiết kế theo quy định tại điều này.
- b) Tổ chức thiết kế hoặc cá nhân có chuyên môn khi thiết kế phải có đăng ký hoạt động tư vấn tại cơ quan có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng thiết kế, kết quả tính toán, an toàn kết cấu và sự ổn định của công trình (bao gồm cả tính chính xác của tiên lượng, dự toán).
- c) Mỗi đồ án thiết kế phải có người chủ trì thiết kế, đồ án thiết kế lớn (nhóm A và B) phải có chủ nhiệm đồ án; người chủ trì thiết kế hoặc chủ nhiệm đồ án phải chịu trách nhiệm cá nhân về chất lượng và tính đúng đắn của đồ án thiết kế, giải pháp kỹ thuật nêu ra và tiên lượng thiết kế.
- d) Tổ chức thiết kế phải thực hiện công tác giám sát tác giả trong suốt quá trình thi công xây lắp, hoàn thiện và nghiệm thu công trình.